TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 65/2021/QĐST-HNGĐ	*Tân An, ngày 24 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 394 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự

Ông Lê H. T

Sinh ngày 12 tháng 4 năm 1990

Địa chỉ: 161/14 Đường N Phường B thành phố T tỉnh L.

Bà Đỗ Th. V

Sinh ngày 01 tháng 5 năm 1992

Địa chỉ: 161/14 Đường N Phường B thành phố T tỉnh L..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đỗ Th. V và ông Lê H. T là vợ chồng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94 Quyển 01/2010 của Ủy ban nhân dân xã B huyện C tỉnh L, ngày đăng ký kết hôn là ngày 13 tháng 10 năm 2010. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc do không có tình cảm vợ chồng và cũng không hòa hợp, vợ chồng ít sống cùng với nhau. Không còn tình cảm vợ chồng nên ông T và bà V yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý việc dân sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 29, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân thành phố T đã tiến hành hòa giải nhưng ông T và bà V kiên quyết ly hôn. Do đó, ngày 16 tháng 11 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố T lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Tại phiên hòa giải, bà V và ông T đã thống nhất ly hôn vì không có tình cảm vợ chồng.

[3] Về con chung, ông T và bà V có hai người con chung, tên là Lê Đỗ L. Đ, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2011 và Lê B. A, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2020. Ông T và bà V thống nhất Sau khi ly hôn, bà Đỗ Th. V là người trực tiếp nuôi con chung là Lê Đỗ L. Đ; ông Lê H. T là người trực tiếp nuôi con chung, tên là Lê B. A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, ông T và bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có người yêu cầu nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất ly hôn vì không có tình cảm vợ chồng..

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Đỗ Th. V là người tực tiếp nuôi con chung, tên là Lê Đỗ L. Đ, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2011; Ông Lê H. T là người trực tiếp nuôi con chung, tên là Lê B. A, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2020; ông T và bà V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T và bà V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở ông, bà thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định

2. Về lệ phí: Ông Lê H. T và bà Đỗ Th. V chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông T và bà V đã nộp (theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0001116 ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T tỉnh L) thành lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
-Những người yêu cầu;
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ

Phạm Thị Thanh Thảo